TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI
Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29-5- 2020
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hậu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Cầm và bà Lê Thị Hạnh

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hòa - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 17/2020/TLST-HNGĐ ngày 12/02/2020 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐST – HNGĐ ngày 08/5/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Bùi Thị N - sinh năm 1981

Trú tại: Khu dân cư 22, thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn*: Ông Lê Minh H - sinh năm 1978

Trú tại: Thôn H, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

(Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt; bị đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/02/2020, bản tự khai ngày 20/02/2020, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bùi Thị Ngữ trình bày:

Giữa bà và ông Lê Minh Htự nguyện kết hôn vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ (nay là thị xã Đ). Trong quá trình sống chung vợ chồng hạnh phúc và sinh được một cháu gái tên Lê Thị Trà M, sinh

ngày 01/10/2005, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra vào thời gian năm 2012 đến năm 2018 vợ chồng sống ly thân đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông Hoàng không chăm lo cuộc sống gia đình, không có trách nhiệm với con cái, kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng sống không hạnh phúc. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông H.

Con chung: có một con tên Lê Thị Trà M, sinh ngày 01/10/2005, bà N yêu cầu nhận nuôi dưỡng con, yêu cầu ông H cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng cho con.

Tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 20/02/2020, biên bản hòa giải ông Lê Minh H trình bày:

Giữa ông và bà N kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn như bà N trình bày là đúng, tuy nhiên trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không cùng quan điểm sống, bất hòa không hòa giải được nên sống ly thân từ tháng 6/2019 đến nay, ngoài ra nguyên nhân do kinh tế khó khăn dẫn đến nhiều hệ lụy, ít có thời gian chăm lo cho cuộc sống gia đình, ông còn thương vợ và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc cùng nhau nuôi dạy con cái, nên ông không đồng ý ly hôn với bà N.

Con chung: có một con tên Lê Thị Trà M, sinh ngày 01/10/2005 bà N đang nuôi dưỡng. Nếu Tòa án cho ly hôn thì ông đồng ý giao cháu M cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ông cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

Tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ phát biểu ý kiến:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị N được ly hôn ông Lê Minh H.

- Về con chung: Giao cháu Lê Thị Trà M, sinh ngày 01/10/2005 cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ông H không cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngày 06 tháng 02 năm 2020 bà Bùi Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con với ông Lê Minh H trú tại thôn H, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Bị đơn ông Lê Minh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị N và ông Lê Minh H kết hôn năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phổ An, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi là hợp pháp. Quá trình sống chung không hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, kinh tế gia đình khó khăn nên bà N và ông H không sống chung từ tháng 6/2019 đến nay, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị N được ly hôn ông Lê Minh H.

[3] Về con chung: Có một con chung tên Lê Thị Trà M, sinh ngày 01/10/2005 hiện đang ở cùng bà Bùi Thị N. Xét nguyện vọng của cháu M được ở với bà N và tại bản tự khai ngày 20/02/2020 ông Lê Minh H đồng ý giao con cho bà N nuôi dưỡng và cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu M đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử giao cháu M cho bà N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Bà Bùi Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, 147, 227; 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Bùi Thị N và ông Lê Minh H.

- Về con chung: Giao con tên Lê Thị Trà M, sinh ngày 01/10/2005 cho bà Bùi Thị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông Lê Minh H không cấp dưỡng cho con.

Ông Lê Minh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Bà Bùi Thị N phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

AA/2018/0002779 ngày 11/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà Bùi Thị N có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Minh Hg vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- UBND xã Phổ An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Hậu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Lê Thị Hạnh *Bùi Thị Cẩm*	*Nguyễn Văn Hậu*